

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV23B1**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH07271**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Thực tập tốt nghiệp**

Số TC: **7**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2356201163416	Lê Thị Kim	Anh	31/03/2008				9	8.5	7.5			8.0		8.1
2	2356201163417	Thái Thiện	Ân	07/04/2008				8	8.3	8.5			8.4		8.4
3	2356201163419	Lê Thị Ngọc	Chi	06/10/2008				9.5	7.5	8.3			7.9		8.0
4	2356201163420	Dương Hoàng	Hiếu	09/04/2008				7	7.0	7.5			7.3		7.3
5	2356201163422	Trương Hoàng	Huy	10/10/2006				8.5	8.5	7.5			8.0		8.0
6	2356201163423	Chau Ny	Kanl	12/12/2008				7	7.0	7.5			7.3		7.3
7	2356201163427	Nguyễn Thị Khánh	Ly	29/12/2006				9	8.0	8.3			8.1		8.2
8	2356201163428	Nguyễn Văn	Mãi	04/11/2008				7.5	8.8	7.5			8.6		8.4
9	2356201163429	Dương Văn	Minh	12/07/2006				9.5	7.5	8.3			7.9		8.0
10	2356201163431	Lê Thị Ngọc	Ngà	02/08/2008				9.5	7.5	8.3			7.9		8.0
11	2356201163432	Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/03/2006				9	8.3	8.5			8.4		8.4
12	2356201163435	Phạm Đặng Khôi	Nguyên	10/01/2008				9.5	7.8	7.8			7.8		7.9
13	2356201163436	Nguyễn Thanh	Nhàn	06/05/2008				9.5	7.8	7.8			7.8		7.9
14	2356201163437	Nguyễn Huỳnh	Phát	28/04/2000				9	8.3	8.5			8.4		8.4
15	2356201163440	Lê Huỳnh	Thành	01/05/2008				8	8.8	8.5			8.6		8.6
16	2356201163441	Nguyễn Tấn	Thông	16/11/2008				5.5	8.0	8.0			8.0		7.8
17	2356201163442	Nguyễn Thị Minh	Thư	18/04/2008				8.5	8.5	7.5			8.0		8.0
18	2356201163443	Nguyễn Phạm Thanh	Tiến	04/04/2008				8.5	7.8	7.8			7.8		7.9
19	2356201163444	Lương Phú	Toàn	15/09/2008				7.5	8.0	8.3			8.1		8.1
20	2356201163445	Chau Sátth	Trí	11/09/2008				7	7.0	7.5			7.3		7.3
21	2356201163446	Bùi Vĩnh	Tường	14/06/2008				7	8.0	8.0			8.0		7.9
22	2356201163447	Nguyễn Đông	Uy	20/05/2005				7.5	8.8	8.5			8.6		8.5
23	2356201163449	Nguyễn Ngọc Lan	Vy	20/03/2008				9	8.0	8.3			8.1		8.2

Châu Đốc, ngày 30 tháng 6 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng